

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2019
V/v *Tranh chấp ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 413/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02-10-2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Tạm trú: Ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Thanh T1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-9-2019, bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm T trình bày:

Vào ngày 04/7/2008, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Trần Thanh T1, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện T. Trong thời gian sống chung anh chị có 02 con chung tên Trần Nguyễn K, sinh ngày 18/4/2009 và Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 11/4/2014, đang sống chung với anh T1.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Sau ngày cưới, anh chị sống chung bên gia đình nhà anh T1, vợ chồng cùng đi làm công ty, lúc đầu cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc, nhưng về sau anh T1 thay đổi tính tình, gia đình chồng thì khó khăn, anh T1 lúc nào cũng nghe lời gia đình, không quan tâm lo lắng cho chị nên đã về nhà mẹ ruột ở ấp E, xã F sống và anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017, còn 02 con chung sống chung với anh T1. Trong năm 2018 chị làm đơn ly hôn với anh T1, tại Tòa chị và anh T1 hàn gắn đoàn tụ về sống chung nhưng chị không có về bên gia đình chồng sống mà vẫn sống bên gia đình chị, chỉ có anh T1 qua lại nhà chị, còn 02 con chung vẫn sống chung bên nhà anh T1, chị có tới nhà anh T1 thăm 02 con được 01 lần, có khi chị tới trường học của 02 con thăm, cũng có khi thì anh T1 chở con đi chơi tạo điều kiện cho chị thăm, từ năm 2018 đến nay chị và 02 con chung có ngủ chung được 01 lần anh T1 chở qua bên nhà chị, trước đây chị cũng có cho tiền con chị đi học, bắt đầu năm 2019 đến nay chị không có phụ tiền cho anh T1 nuôi con và chị cũng không có mua tập sách, quần áo cho con đi học, chị có nói với con nếu cần gì thì điện thoại mẹ mua cho, có lần đưa em của chị qua nhà anh T1 thăm cháu do em chị và mẹ chồng chị có xích mích nên anh T1 không qua nhà chị luôn, nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị quyết định ly hôn.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh T1.

Về con chung: Trần Nguyễn K, sinh ngày 18/4/2009 chị đồng ý giao cho anh T1 nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 11/4/2014, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, chị đủ khả năng đề lo cho con sau này.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Thanh T1 trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Diễm T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian sống chung anh chị có 02 con chung tên Trần Nguyễn K, sinh ngày 18/4/2009 và Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 11/4/2014 đang sống chung với anh.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng: Sau ngày cưới anh chị sống bên gia đình anh, hai vợ chồng đi làm công ty, cuộc sống vợ chồng không có gì mâu thuẫn nhưng vợ bỏ về nhà cha mẹ vợ sống từ tháng 12 năm 2017. Trong năm 2018, chị T làm đơn ly hôn ra Tòa anh và chị T hàn gắn đoàn tụ về sống chung lại được vài tháng nhưng chị T sống bên gia đình vợ không có về bên gia đình anh, do mẹ anh bị bệnh tim mà em của chị T qua nhà quậy phá, chửi bên gia đình anh, còn nguyên nhân như thế nào thì anh không biết, do anh đi làm không có nhà, nên thời gian này anh không có qua lại bên nhà vợ, còn 02 con chung

sống chung bên gia đình anh từ nhỏ đến nay, thời gian ly thân sau này là chị T chỉ lại nhà anh thăm 02 con chung có 01 lần, những lần sau này anh tự tạo điều kiện cho chị T thăm con. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Nguyễn K, sinh ngày 18/4/2009 và Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 11/4/2014 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Diễm T, 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); 02 giấy khai sinh con; Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Trần Thanh T1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm T đồng ý giao con chung tên Trần Nguyễn K, sinh ngày 18/4/2009 cho anh Trần Thanh T1 nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung; Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh T1 không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Trần Thanh T1 thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Trần Thanh T1 thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 11/4/2014, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Thanh T1 yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 11/4/2014, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Trần Thanh T1 có hộ khẩu thường trú tại huyện T theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyễn Thị Diễm T và anh Trần Thanh T1 kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện T theo

đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017. Trong năm 2018 chị T có làm đơn xin ly hôn với anh T1 nhưng sau đó anh chị đoàn tụ về sống chung được vài tháng thì ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không hàn gắn đoàn tụ, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1; Bị đơn anh T1 đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung tên Trần Nguyễn K, sinh ngày 18/4/2009 và Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 11/4/2014 đang sống chung với anh T1, cháu K có nguyện vọng được sống chung với anh T1, chị T thống nhất giao con chung tên Trần Nguyễn K, sinh ngày 18/4/2009 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung. Sự thỏa thuận này của chị T và anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh T1 không có yêu cầu.

Đối với con chung tên Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 11/4/2014. Chị T và anh T1 đều có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, trong thời gian sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 và khi cháu Cẩm N và cháu K được sinh ra cho đến nay thì cháu Cẩm N và cháu K do bên anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T1 vẫn đảm bảo nuôi dưỡng 02 con tốt. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để tránh gây xáo trộn sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu Trần Thị Cẩm N. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án không chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T; Anh T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Cẩm N. Hội đồng xét xử có giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh T1 không có yêu cầu chị T cấp dưỡng nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Trần Thanh T1 thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diễm T.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Trần Thanh T1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm T đồng ý giao con chung tên Trần Nguyễn K, sinh ngày 18/4/2009 cho anh Trần Thanh T1 nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung; Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh T1 không có yêu cầu

Anh Trần Thanh T1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 11/4/2014; Chị Nguyễn Thị Diễm T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Trần Thanh T1 không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Trần Thanh T1 thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Trần Thanh T1 thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006372, ngày 02-10-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Nguyễn Thị Diễm T đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Thanh T1 không phải chịu án phí

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã F;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm

